

## SỬ DỤNG ÁN LỆ TRONG GIẢNG DẠY LUẬT HỌC

**Phạm Yên Nhi**

*Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: pynhi@agu.edu.vn*

### Lịch sử bài báo

*Ngày nhận: 20/5/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 07/7/2020; Ngày duyệt đăng: 12/01/2021*

### Tóm tắt

*Mặc dù còn khá mới mẻ ở Việt Nam, án lệ được đưa vào giảng dạy tại các cơ sở đào tạo luật học trên thế giới từ khá lâu đời. Đặc biệt tại các quốc gia theo hệ thống thông luật, việc nghiên cứu và phân tích án lệ là cách thức chủ yếu để SV có thể tiếp cận và lĩnh hội hệ thống pháp luật quốc gia. Việt Nam có hệ thống pháp luật thành văn, và do đó án lệ chỉ được chính thức thừa nhận và trở thành nguồn học liệu đưa vào giảng dạy trong những năm gần đây. Bài viết được thực hiện nhằm đánh giá tầm quan trọng của án lệ. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích sự cần thiết sử dụng án lệ trong giảng dạy luật học và những vấn đề cần quan tâm khi sử dụng phương pháp này.*

**Từ khóa:** *Án lệ, đào tạo luật học, phương pháp giảng dạy.*

---

## THE USE OF CASE LAW IN TEACHING LAWS

**Pham Yen Nhi**

*An Giang University, Viet Nam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam*

*Corresponding author: pynhi@agu.edu.vn*

### Article history

*Received: 20/5/2020; Received in revised form: 07/7/2020; Accepted: 12/01/2021*

### Abstract

*Despite being relatively unfamiliar in Vietnam, case law has long been taught in law institutions around the world. Especially in countries with common law systems, the analysis of case law is the major method for students to access and master the national legal system. Statute laws are applied in Vietnam and therefore, case law has only been recently recognized as a source of teaching materials. This article aims at assessing the importance of case law, thereby analyzing the need of using case law in teaching laws and other concerns regarding the use of this method.*

**Keywords:** *Case law, law training, teaching methods.*

## 1. Đặt vấn đề

Phương pháp giảng dạy tình huống đã được áp dụng phổ biến ở các nền giáo dục hiện đại. Trong giáo dục và đào tạo nghề luật, với tư cách là một ngành học đòi hỏi phải có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực hành thì phương pháp giảng dạy tình huống bằng những án lệ cụ thể là thật sự cần thiết. Bởi án lệ không chỉ là kết quả của hoạt động xét xử, giúp người học hiểu được cách thức Tòa án vận dụng những quy định pháp luật vào giải quyết các tình huống thực tế, mà án lệ là những bản án được chọn lọc khắc khe từ những vụ việc điển hình và phổ biến, giúp sinh viên (SV) có cái nhìn thực tế khi tiếp cận các tình huống pháp lý.

## 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng án lệ trong đào tạo luật học

### 2.1. Khái niệm án lệ

Án lệ được coi là sản phẩm đặc trưng của hệ thống thông luật (Nguyễn, 2012). Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập của thế giới hiện đại đã làm cho án lệ vượt ra khỏi biên giới của các quốc gia theo hệ thống thông luật truyền thống và trở thành nguồn luật của nhiều hệ thống pháp luật trên thế giới. Đây là nguồn luật quan trọng được áp dụng để giải quyết các vụ việc tương tự và là cơ sở để bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động xét xử.

Trong tiếng Pháp, án lệ được hiểu là đường lối giải thích và áp dụng luật pháp của các tòa án về một điểm pháp lý, đường lối này đã được coi như một tiền lệ, khiến các thẩm phán sau đó có thể noi theo trong các trường hợp tương tự. Trong khi đó, theo quan điểm của các nhà luật học theo hệ luật Anh - Mỹ, án lệ được hiểu theo hai nghĩa. Theo nghĩa hẹp, án lệ bao gồm toàn bộ các quyết định, bản án được tuyên bố bởi Tòa án và có giá trị như nguồn luật, đưa ra những nguyên tắc, nền tảng áp dụng cho các vụ việc xảy ra tương tự sau này, hay là cách thức sử dụng các nguyên tắc có sẵn như là những căn cứ áp dụng để quyết định các vụ việc xảy ra trong tương lai. Còn theo nghĩa rộng, án lệ là nguyên tắc bắt buộc đòi hỏi Thẩm phán trong hệ thống các cơ quan Tòa án khi xét xử một vụ việc cụ thể cần phải căn cứ ngay vào

các bản án, các vụ việc trước đó, hay là những nguyên tắc không theo luật định được đưa ra từ các quyết định tư pháp, hay là hệ thống những nguyên tắc bắt thành văn đã được công nhận và hình thành thông qua các quyết định của Tòa án (Lê, 2015).

Theo từ điển Black's Law (Henry Campbell Black, 1990) thì án lệ được hiểu là việc làm luật của tòa án khi công nhận và áp dụng các quy tắc mới trong quá trình xét xử; Vụ việc đã được giải quyết làm cơ sở để đưa ra phán quyết cho những trường hợp có tình tiết hoặc vấn đề tương tự sau này.

Tại Việt Nam, án lệ được ghi nhận là nguồn luật trong hệ thống pháp luật từ Nghị quyết 03/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 28/10/2015 Về Quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Theo Nghị quyết này, án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử. (Hội đồng Thẩm phán TANDTC, 2015)

Mặc dù có nhiều cách định nghĩa khác nhau với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau nhưng nhìn chung, án lệ có những đặc điểm sau (i) Án lệ do thẩm phán tạo ra theo những thủ tục nhất định và để giải quyết các vụ việc cụ thể; (ii) Án lệ là khuôn mẫu cho các vụ việc có tính chất tương tự và được sử dụng nhiều lần; (iii) Án lệ có tính bắt buộc đối với các vụ án tương tự. (Dương & Nguyễn, 2009).

Tóm lại, án lệ là những lập luận trong những bản án, quyết định đã được lựa chọn theo thủ tục luật định và được áp dụng trong xét xử đối với những vụ việc có tính chất tương tự.

### 2.2. Vai trò của án lệ

Với truyền thống pháp luật dân sự ở Việt Nam, mặc dù ra đời sau luật thành văn nhưng án lệ đóng một vai trò hết sức quan trọng và có giá trị thực tiễn cao trong khoa học pháp lý. Luật thành văn luôn có vị trí tối cao trong hệ thống pháp luật nhưng có hai đặc tính cố hữu là (i) không thể dự

đoán hết những tình huống sẽ xảy ra trong tương lai (*những khoảng trống thiếu luật điều chỉnh*) và (ii) có thể không rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau (*có nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các vụ việc tương tự*). Để khắc phục những nhược điểm của luật thành văn, tăng cường tính minh bạch và có thể tiên liệu được các phán quyết của Tòa án (i) cần có cơ chế sáng tạo, linh hoạt trong vận dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn mới; (ii) cần phải có cơ chế giải thích pháp luật để đạt được sự thống nhất trong hoạt động xét xử. Cách thức khắc phục những nhược điểm của các đạo luật là sử dụng án lệ. (Bùi, 2009)

Mặc dù được coi là nguồn bổ khuyết cho hệ thống pháp luật nhưng án lệ không làm mất đi vai trò của luật thành văn, khi có sự chông chéo mâu thuẫn giữa hai nguồn này thì luật thành văn được ưu tiên áp dụng (Hội đồng Thẩm phán TANDTC, 2015). Ngay cả nước Anh, theo truyền thống coi trọng án lệ, cũng tuân thủ nguyên tắc này (Nguyễn, 2007). Ngoài ra, vị trí tối cao của luật thành văn giúp giảm bớt sự tùy tiện và lạm quyền của thẩm phán.

Áp dụng án lệ chính là phương thức hiệu quả để khắc phục một số bất cập của pháp luật, bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất trong xét xử, tạo tính ổn định, minh bạch và tiên liệu được trong các phán quyết của Tòa án, qua đó có tác dụng hướng dẫn các hành vi ứng xử không chỉ đối với các bên trong vụ án, mà còn đối với mỗi người dân và cả cộng đồng xã hội.

### 2.2.1. Khắc phục kịp thời những khoảng trống pháp luật

Pháp là quốc gia điển hình có hệ thống pháp luật thành văn cũng quy định, nếu thẩm phán từ chối đưa ra phán quyết khi dựa trên cơ sở pháp luật không quy định về vấn đề đó, quy định không rõ ràng hoặc không đầy đủ, thì bản thân anh ta có thể bị kiện vì lý do phủ nhận công lý. Do vậy, anh ta phải đưa ra được một phán quyết (Điều 4 Bộ luật dân sự Pháp).

Bộ luật dân sự Thụy Sĩ cũng quy định, pháp luật cần được áp dụng trong mọi trường hợp, không có ngoại lệ, đúng với tinh thần và lời văn

của nó. Trong trường hợp không tìm thấy quy phạm thích ứng trong văn bản pháp luật, thẩm phán cần căn cứ vào luật tập quán hiện hữu để giải quyết vấn đề và quyết định trên cơ sở quy tắc do mình tạo ra theo tinh thần tự đặt mình vào vị trí của nhà lập pháp. Đồng thời, khi đặt ra các quy tắc đó, thẩm phán cần hành động trong khuôn khổ và trên tinh thần của các học thuyết pháp lý vừa trích dẫn ở đây như là một cách biểu hiện hiện đại của châu Âu về án lệ và việc sử dụng án lệ như là nguồn của pháp luật ở châu Âu hiện đại (Nguyễn, 2014).

Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam 2015 quy định Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng. Khi đó, việc giải quyết vụ việc dân sự được thực hiện theo các nguyên tắc do Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự (Khoản 2 Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự 2015). Bởi tiếp cận công lý là quyền cơ bản của con người, quyền được bảo vệ về mặt pháp lý. Quyền này cho phép tất cả mọi người có thể vận dụng để tìm kiếm sự đền bù cho những bất công hay thiệt hại mà một cá nhân hay tổ chức, đặc biệt là cho những nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội phải gánh chịu. (Vũ, 2009)

Trước áp lực bảo vệ công lý ngay cả khi không có luật đòi hỏi thẩm phán phải có khả năng sáng tạo pháp luật trên nền tảng lẽ phải, sự công bằng và những kinh nghiệm xét xử vốn có của mình. Án lệ được coi là nguồn bổ khuyết của pháp luật thành văn, giúp thẩm phán có đầy đủ nền tảng pháp lý để thực hiện hoạt động xét xử.

### 2.2.2. Góp phần bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động xét xử

Pháp luật là nền tảng để duy trì trật tự xã hội. Điều này đòi hỏi phải có hệ thống pháp luật thống nhất, những vụ việc tương tự phải được xem xét và giải quyết như nhau. Khi đó, công lý mới được bảo đảm, trật tự mới được duy trì. Tuy nhiên, pháp luật thành văn mang đậm tính quy phạm, khái quát. Nhiều quy định của pháp luật còn mang tính định tính, chưa rõ, có nhiều cách hiểu chưa thống nhất và áp dụng khác nhau. Cho nên, để vận dụng đòi hỏi phải có sự chuyên

tải những quy định này vào những tình huống cụ thể. Nếu như không có một nền tảng tạo sự thống nhất thì quá trình chuyển tải và áp dụng luật sẽ có sự chênh lệch giữa các vụ việc có tính tương tự, không bảo đảm được tính thống nhất trong hoạt động xét xử.

Hiến pháp 2013 ghi nhận mọi người đều bình đẳng trước pháp luật (Điều 16 Hiến pháp 2013). Nếu thâm phán áp dụng pháp luật khác nhau đối với những vụ việc tương tự sẽ tạo ra sự bất bình đẳng giữa các chủ thể. Để duy trì nguyên tắc này, trước đây, các ấn phẩm báo cáo tổng kết công tác xét xử hàng năm nhằm hướng dẫn thống nhất áp dụng pháp luật trong hệ thống tòa án. Tuy nhiên, những đúc kết này chưa thể hiện được toàn bộ nhận định và những phân tích pháp lý chung của các phán quyết về từng vấn đề pháp lý của mỗi vụ việc. (Bùi, 2009)

Án lệ được lựa chọn từ những vụ án điển hình, phổ biến. Mỗi án lệ đều nêu rõ vấn đề pháp lý (*tình huống án lệ*) và đưa ra giải pháp pháp lý cụ thể cho từng vấn đề. Phần được đúc kết cuối cùng của án lệ là nội dung án lệ. Phần này giải thích viện dẫn căn cứ pháp lý và nêu rõ lý do vì sao vụ việc được giải quyết như vậy. Đây được coi là phần có giá trị pháp lý quan trọng và được tham khảo để giải quyết các vụ việc sau này. Án lệ được coi là cột mốc quan trọng giúp Thẩm phán tham khảo, rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết, xét xử những vụ án có cùng tính chất để đảm bảo tất cả các vụ việc tương tự đều phải được giải quyết như nhau.

### 2.2.3. Tăng cường tính minh bạch và tiên liệu được các phán quyết của tòa án

Án lệ được đúc kết và chọn lọc khắc khe, tạo ra một khuôn khổ ứng xử chung mang tính mẫu mực và được công bố rộng rãi, giúp tiên lượng được kết quả của các vụ tranh chấp mang tính chất tương tự. Thẩm phán dựa vào những tình tiết và lập luận trong án lệ, đối chiếu với vụ việc đang xử lý để đưa ra phán quyết. Góp phần hạn chế đến mức thấp nhất các vụ việc xét xử oan, sai.

Trong giao lưu dân sự, án lệ giúp các bên dự liệu được những rủi ro có thể gặp phải và cách phòng tránh, ít nhất là những rủi ro đã từng xảy ra

trong quá khứ đối với giao dịch tương tự. Thông qua việc công bố án lệ sẽ giúp mọi người nắm rõ đường lối xét xử, dự báo được kết quả những vụ việc tương tự có liên quan đến quyền và lợi ích của mình. Đồng thời, có thể tiên liệu được hệ quả pháp lý của các quan hệ pháp luật được xác lập.

### 3. Sự cần thiết và cách thức sử dụng án lệ trong giảng dạy luật học

Một trong những mục tiêu của chương trình đào tạo luật học là người học có kiến thức cơ bản về pháp luật và thực tiễn pháp lý; Người học có khả năng đánh giá, phân tích và vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết một cách độc lập những vụ việc pháp lý cụ thể. Sẽ là khiếm khuyết khi SV chỉ tìm hiểu luật thành văn mà không tiếp cận hệ thống án lệ nếu mong muốn hành nghề chuyên nghiệp sau này.

Phương pháp sử dụng án lệ trong giảng dạy luật học lần đầu tiên được giáo sư luật Christopher Columbus Langdell đưa vào trường Harvard năm 1871. Ban đầu, phương pháp này không được đón nhận nhưng phương pháp này đã chứng minh được tính hiệu quả qua thời gian áp dụng. Đến đầu những năm 1900, hầu hết các trường luật nước Mỹ đều áp dụng phương pháp giảng dạy này và được phổ biến cho đến ngày nay. (Trương, 2015)

Tầm quan trọng của án lệ trong khoa học pháp lý và trong thực tiễn xét xử là không thể phủ nhận. SV luật là nguồn nhân lực cốt yếu của đội ngũ hành nghề luật chuyên nghiệp trong tương lai. Chính vì vậy, việc sử dụng án lệ trong nghiên cứu và giảng dạy luật học là không thể thiếu. Mục đích chủ yếu giúp SV hiểu được các quy định pháp luật và cách thức vận dụng thông qua các vụ việc cụ thể, có thật; nhận biết được các vấn đề pháp lý phát sinh và cách thức giải quyết những vụ việc trên thực tế.

#### 3.1. Giúp SV dễ tiếp cận các vấn đề pháp lý phức tạp

*Thứ nhất*, việc giới thiệu và phân tích, đánh giá quy định pháp luật, giúp SV hình thành nền tảng kiến thức pháp luật vững chắc cho hoạt động nghề nghiệp sau này. Tuy nhiên, việc thuyết giảng này diễn ra một chiều sẽ làm cho SV tiếp

thu một cách thụ động, giảng viên lại không đánh giá được khả năng lĩnh hội tri thức của SV. Cho nên lý thuyết cần phải gắn kết vào tình huống cụ thể. Việc nghiên cứu và phân tích án lệ giúp SV liên kết và vận dụng lý thuyết vào thực tế. Đặt SV vào những tình huống có thật giúp SV nhớ lâu hơn và hiểu rõ hơn nội dung những quy định pháp luật.

*Thứ hai*, những quy định pháp luật thường chứa đựng những thuật ngữ pháp lý chuyên ngành và mang tính quy ước cao. Khi tiếp xúc với những tình tiết cụ thể sẽ giúp SV hình dung và lĩnh hội được những thuật ngữ khó hiểu đó. Ví dụ, trong chế định tài sản, quyền tài sản bao gồm quyền tài sản đối với quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và quyền tài sản khác trị giá được bằng tiền. SV sẽ khó hình dung ra được quyền trị giá được bằng tiền là quyền gì? Và quyền này được sử dụng nó như thế nào? Khi tiếp cận án lệ số 31/2020/AL, SV sẽ biết được quyền tài sản trong vụ việc này cụ thể là quyền thuê nhà, mua nhà thuộc sở hữu của Nhà nước. Quyền này được đem ra giao dịch và được chuyển giao cho những người thừa kế của người đó khi người có quyền chết.

### **3.2. Tăng khả năng tương tác giữa người dạy và người học, giúp SV chủ động hơn trong quá trình tham gia môn học**

Việc sử dụng án lệ trong giảng dạy đòi hỏi người học phải tự nghiên cứu và chuẩn bị phân lập luận của mình trước khi tham gia thảo luận trên lớp. Muốn vậy người học phải đọc hiểu và tóm tắt được nội dung của vụ án. Do đã chuẩn bị bài từ trước nên người học sẽ chủ động tương tác nhiều hơn với người dạy và với những người học khác trong nhóm học.

Tuy nhiên, việc nắm hết nội dung và kết quả giải quyết vấn đề nêu trong án lệ sẽ làm cho SV rất dễ lệ thuộc vào lập luận của Tòa án làm hạn chế khả năng tư duy phản biện. Có nghĩa là SV đã tiếp cận và chấp nhận toàn bộ lập luận và cách thức giải quyết có sẵn mà không có sự tò mò, tìm tòi và trăn trở để khám phá cách thức tháo gỡ vấn đề pháp lý. Vì vậy, án lệ sẽ được áp dụng phối hợp với phương pháp đóng vai. Việc đóng

vai các bên trong vụ án tạo điều kiện cho SV tự mình trực tiếp giải quyết vấn đề, tự mình tìm ra những sự kiện pháp lý, căn cứ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Ở mỗi vai trò SV sẽ tiếp cận vấn đề khác nhau, giúp SV có góc nhìn đa chiều về vấn đề cần giải quyết. Ví dụ, với vai trò là nguyên đơn, SV nhìn nhận vấn đề pháp lý dưới góc độ khác so với bị đơn hay thẩm phán. Cuối cùng, SV sẽ đưa ra nhận xét và đánh giá về cách thức ra quyết định và những lập luận Tòa án về việc chấp nhận hay từ chối yêu cầu của các bên trong vụ án.

Với vai trò là người điều hành lớp học, người dạy lúc này cần gợi mở và đặt câu hỏi mở để SV tự tìm ra cách thức giải quyết vấn đề. Giảng viên sẽ định hướng buổi thảo luận và đưa ra nhận định chung cuộc cho những tranh luận giữa các bên. Sau cùng, giảng viên sẽ tóm tắt và rút ra bài học.

### **3.3. Hình thành kỹ năng thực hành luật cho SV**

#### *Học cách xác định vấn đề pháp lý*

Khi tiếp cận và phân tích nhiều án lệ giúp SV học được cách xác định quan hệ pháp luật tranh chấp thông qua những tình tiết cụ thể của vụ án. Từ đó, tìm kiếm những sự kiện có liên quan đến vấn đề pháp lý. Tiến hành phân tích, đánh giá các sự kiện này xem có đủ thuyết phục để đưa ra giải pháp pháp lý hay chưa. Nếu thiếu cần tiến hành bổ sung những sự kiện nào. Bởi vì, xác định quan hệ tranh chấp trên thực tế không phải là câu chuyện dễ dàng, ngay cả đối với những người đã và đang hành nghề luật.

Trong mỗi án lệ, mặc dù không đưa ra chi tiết từng vấn đề pháp lý nhưng để đưa ra kết luận, trước đó, thẩm phán đã tìm ra vấn đề pháp lý của vụ án, dựa trên các tình tiết của vụ án, thẩm phán phải đưa ra lập luận để chấp nhận hay từ chối yêu cầu của các bên. Tiếp cận và nghiên cứu nhiều án lệ giúp SV học được kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề từ những án lệ này.

Ví dụ, theo án lệ số 25/2018/AL, SV có thể dễ dàng nhận ra quan hệ tranh chấp là hợp đồng phạt cọc - một biện pháp bảo đảm nghĩa vụ. Các vấn đề pháp lý có liên quan cần được xác định (i) Nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ gì? Chủ thể

có nghĩa vụ là ai? Bên đặt cọc hay một bên thứ ba? (ii) Nghĩa vụ này có vi phạm hay không? Có trở ngại nào cho việc thực hiện nghĩa vụ?

Bà H nhận 02 tỷ đồng tiền đặt cọc của ông L với cam kết bà H phải hoàn tất các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với căn nhà để hai bên tiến đến ký hợp đồng mua bán nhà. Tuy nhiên, bà H không được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà là do cơ quan thi hành án dân sự chậm sang tên cho bà. Việc bà không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết là do nguyên nhân khách quan. Vì vậy, bà H không bị coi là vi phạm nghĩa vụ nên bà H không phải chịu phạt cọc trong trường hợp này. SV có thể nhận thấy rằng “vi phạm hợp đồng” và “thực hiện không đúng nghĩa vụ” là hai khái niệm không đồng nhất. Không phải trong mọi trường hợp do không thực hiện đúng nghĩa vụ đều phải chịu phạt cọc. Chỉ khi vi phạm nghĩa vụ được bảo đảm thì bên bảo đảm mới phải chịu phạt cọc.

Tuy nhiên, không phải vụ tranh chấp nào cũng có thể dễ dàng nhận ra quan hệ pháp luật tranh chấp. Trong án lệ số 24/2018/AL, có 10 bản án, quyết định liên quan đến tranh chấp này. Nguyên nhân chủ yếu là do xác định quan hệ pháp luật không giống nhau giữa các bản án dẫn đến kết quả xét xử là khác nhau. Dựa vào những sự kiện pháp lý của vụ án, Tòa án cần phải chọn lọc và đánh giá được giá trị pháp lý của từng sự kiện. Sự phức tạp của tình tiết vụ án giúp SV học được kỹ năng tìm ra chính xác quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Trong tình huống này, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là kiện đòi tài sản thay vì là chia thừa kế như các bản án xét xử trước đó.

#### *Học cách vận dụng quy định pháp luật*

Việc nghiên cứu và phân tích quy định pháp luật là cần thiết nhưng chưa đủ vì chỉ giúp SV biết và hiểu những quy định pháp luật. Bởi mỗi quy định chỉ là một màu đơn sắc. Trong khi mỗi vụ việc thực tế là một bức tranh sinh động với nhiều màu sắc. Muốn vận dụng luật đòi hỏi người nghiên cứu và hành nghề luật phải nắm rõ quy tắc cơ bản, chọn lọc và pha trộn một cách nhuần nhuyễn những quy định có liên quan, tạo ra một

cơ sở pháp lý vững chắc để giải quyết vấn đề dưới góc độ pháp lý. Để trang bị kỹ năng này, người học luật phải xây dựng kỹ năng phân tích tình huống và tìm ra vấn đề pháp lý. Trên cơ sở những sự kiện có liên quan, lý giải và liên kết được vấn đề pháp lý với quy định pháp luật cụ thể và đưa ra giải pháp pháp lý phù hợp.

Trong phần hợp đồng nói chung và hợp đồng tặng cho có điều kiện, về nội dung, lý thuyết nói rằng, hợp đồng phải là kết quả của sự thống nhất ý chí, sự thống nhất này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Chỉ sự thống nhất ý chí mới tạo nên sự ràng buộc của các bên trong hợp đồng. Điều kiện trong hợp đồng tặng cho cũng phải được sự thống nhất ý chí của các bên. Thực tế ý chí về điều kiện không được ghi nhận trong hợp đồng nhưng các bên chứng minh được có sự thống nhất ý chí thì điều kiện này có giá trị pháp lý hay không. SV sẽ lúng túng với câu hỏi này vì quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng có điều kiện không nêu rõ nội dung này.

Bộ luật dân sự ghi nhận, hợp đồng tặng cho có điều kiện là hợp đồng có chứa đựng điều kiện mà bên tặng cho đưa ra. Đây là cơ sở để hợp đồng tặng cho có hiệu lực hay không. Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên, bao gồm những nội dung mà các bên đã đạt được sự thống nhất là sự thỏa thuận giữa các bên, sự thống nhất ý chí này được biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan dưới hình thức bằng lời nói hoặc bằng văn bản. Như vậy, hợp đồng tặng cho có điều kiện thì điều kiện đó cũng phải được thống nhất và ghi nhận dưới hình thức nhất định.

Trong án lệ số 14/2017/AL, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập thành văn bản mà điều kiện tặng cho không được ghi nhận trong hợp đồng. Nếu chỉ cứng nhắc căn cứ theo hợp đồng thì đây là hợp đồng tặng cho không kèm theo điều kiện. Tuy nhiên, ý chí chung ban đầu khi xác lập hợp đồng thì hợp đồng tặng cho này, các bên đã thống nhất kèm theo điều kiện bên được tặng cho (*Quàng Văn P2*) phải xây nhà cho bên tặng cho ở (*Quàng Văn P1*), chăm sóc chăm sóc vợ chồng cụ K (*bố mẹ của ông Quàng Văn P1*).

Mặc dù không ghi nhận trực tiếp trong hợp

đồng (ghi nhận trong văn bản ủy quyền) nhưng ý chí đích thực của các bên thì việc tặng cho phải kèm theo điều kiện. Vì vậy, hướng xử lý là công nhận điều kiện của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và xác định đây là hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện.

SV tìm hiểu và phân tích án lệ sẽ nhận thấy rằng, quy định pháp luật mang tính khuôn khổ và ổn định. Trong khi đó, thực tế luôn sinh động, phức tạp và không phải lúc nào cũng diễn ra theo đúng sự sắp đặt trong mô tả ở phần giả định của nhà lập pháp. Chính án lệ đã giải quyết vấn đề một cách mềm dẻo, linh hoạt hợp tình hợp lý, góp phần đẩy lùi “tình ngay mà lý thì gian”. Khi tiếp xúc những tình huống tình này, SV và cả những người hành nghề luật cũng gặp phải sự lúng túng. Án lệ sẽ giúp SV hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để giải quyết những tình huống muôn màu muôn vẻ trên thực tế.

#### 4. Kết luận

Cùng với những phương pháp khác, sử dụng án lệ trong giảng dạy là việc làm cần thiết và cần được nhân rộng. Tuy nhiên, phương pháp này phụ thuộc rất nhiều vào các án lệ. Với lượng 37 án lệ được công bố bao gồm các lĩnh vực từ dân sự, kinh doanh - thương mại, hành chính và hình sự thì số lượng này thật sự là khiêm tốn. Trong rất nhiều chế định luật không có án lệ nào được công bố đã làm cho việc sử dụng án lệ trong những môn học chứa đựng các chế định này không khả thi. Trong thời gian tới, song song với việc tăng cường số lượng án lệ cần phải mở rộng thêm lĩnh vực công bố án lệ giúp cho việc giảng dạy luật học mang lại những hiệu quả tích cực./.

#### Tài liệu tham khảo

Black, H. C. (1990). *Black's law*, st. Paul, Minn. West publishing co., Sixth edition, 272.

Bùi, T. Đ. (2009). Áp dụng án lệ - Nhu cầu tất yếu trong điều kiện cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Chuyên san Luật học, Số 25 (2009)*, 195-200.

Dương, B. N., & Nguyễn, T. T. (2009). Vấn đề áp dụng án lệ ở Việt Nam. *Tạp chí Luật học, Số 05*, 28-35.

Katz, P., & Lê, N. G. T. (2013). Khái quát về đào tạo luật tại Hoa Kỳ. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 23*, 57-62.

Lê, V. S. (2015). Án lệ và vai trò của án lệ trong hoạt động xét xử của Tòa án. *Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp*, Truy cập từ <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1867>.

Lê, P. L. (2000). Dạy học tình huống và vận dụng trong dạy học thiên văn. *Kỷ yếu hội nghị cải tiến phương pháp dạy học đại học*. Khoa Sư phạm Đại học Cần Thơ, 29-35.

Nguyễn, B. Bi. (2019). *Án lệ và sử dụng Án lệ trong đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay*. NXB Tư pháp.

Nguyễn, Đ. L. (2012). Án lệ ở Anh quốc: lịch sử, khái niệm nguyên tắc và cơ chế thực hiện. *Tạp chí Lập pháp online*. Truy cập từ <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207746>.

Nguyễn, T. T. (2014). Vai trò của án lệ và thực tiễn xét xử trong hệ thống pháp luật Việt Nam. *Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội*.

Nguyễn, V. N. (2007). Nghiên cứu so sánh nguồn luật án lệ trong hệ thống pháp luật nước Anh. *Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Số 5*, 47-52.

Trần, T. L. (2012). Vai trò của án lệ đối với sự phát triển của pháp luật quốc tế và sự cần thiết của việc sử dụng án lệ vào nghiên cứu và giảng dạy luật quốc tế ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Pháp lý, Số 4 (71)*, 37-41.

Trương, N. Q. (2015). Sử dụng bản án trong giảng dạy: Góc nhìn từ người làm thực tiễn”. *Tạp chí Khoa học Pháp lý, Số 04/2015*, 20-25.

Vũ, C. G. (2009). Tiếp cận công lý và các nguyên lý của nhà nước pháp quyền. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học 25*, 188-194.

Vũ, T. T. (2010). Ứng dụng phương pháp giảng dạy tình huống trong đào tạo ngành luật. *Tạp chí Khoa học Pháp lý, Số 04/2010*, 65-71.